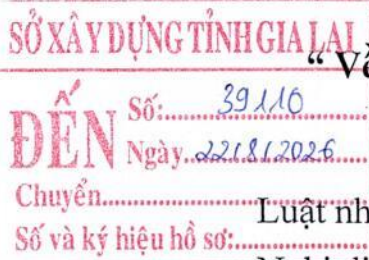


Số: 152-TB/TP13-KD

Gia Lai, ngày 21 tháng 08 năm 2026

THÔNG BÁO

“Về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội tại Block A
Dự án nhà ở xã hội Long Vân” (Đợt 5)



Luật nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;
Nghị định 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết
một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về
việc quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Nghị định 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/07/2024 của Chính phủ và Nghị
định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ;

Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa
đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Nghị định 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung
một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản;

Thông tư số 56/2024/TT-BCA ngày 05/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an;

Thông tư số 94/2024/TT-BQP ngày 11/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Thông tư 08/2026/TT-BXD ngày 15/2/2026 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ
sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực nhà ở;

Căn cứ vào Công văn số: 1495/TB-SXD ngày 05/03/2026 của sở Xây dựng tỉnh
Gia Lai về việc có ý kiến về điều kiện của nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong
tương lai được đưa vào kinh doanh đối với 399 căn nhà chung cư thuộc Dự án Nhà ở xã
hội Long Vân.

Công ty TNHH HTV Licogi13 Thuận Phước thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký
mua nhà ở xã hội dự án nhà ở xã hội Long Vân với các nội dung như sau:

- Tên dự án:** Nhà ở xã hội Long Vân.
- Tên chủ đầu tư:** Công ty TNHH HTV Licogi13 Thuận Phước.
- Địa điểm:** Khu đô thị Long Vân, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai.
- Quy mô dự án:** 798 căn hộ.

5. Thông tin căn hộ mở bán:

- Số lượng căn hộ nhà ở xã hội mở bán: 391 căn hộ.
- Giá bán căn hộ bình quân: 15.747.000 đồng/1m². Giá bán bao gồm thuế giá trị gia tăng 5% và không bao gồm kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư 2%.

6. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu đăng ký mua nhà ở xã hội liên hệ trực tiếp chủ đầu tư để được hướng dẫn và nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

- Thời gian hướng dẫn hồ sơ: Từ ngày ban hành Thông báo này đến hết thời gian tiếp nhận hồ sơ.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký: **Từ ngày 24/08/2026 đến ngày 23/09/2026.**

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng công ty Đường Trần Quốc Hoàn Khu đô thị Long Vân, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: 0866.097.699. Ngày làm việc: từ thứ 2 ÷ sáng thứ 7 (trừ ngày lễ theo quy định). Thời gian: Sáng từ 8h30 ÷ 11h30; Chiều từ 13h30 ÷ 16h30.

7. Đối tượng đăng ký mua nhà ở xã hội, điều kiện đăng ký mua nhà ở xã hội, mẫu hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội, trình tự, thủ tục mua bán nhà ở xã hội, nguyên tắc, tiêu chí xét duyệt hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội: Thực hiện theo quy định của Luật nhà ở, Nghị định số 100/2024/NĐ-CP, Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025, Thông tư số 05/2024/TT-BXD, Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Thông tư số 56/2024/TT-BCA và Thông tư số 94/2024/TT-BQP, Thông tư 08/2026/TT-BXD ngày 15/2/2026.

Công ty TNHH HTV Licogi13 Thuận Phước cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của thông tin kê khai và hồ sơ gửi kèm văn bản này; đề nghị Sở Xây dựng kiểm tra, có ý kiến về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội tại Block A dự án Nhà ở xã hội Long Vân theo thông báo trên để Chủ đầu tư có cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng;
- Lưu P. KD, HCNS

CÔNG TY TNHH HTV LICOGI13

THUẬN PHƯỚC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Hồng Bích

उदा मल्लो दत्त
दत्त, प्रसाद, मल्ल



BẢNG GIÁ BÁN CĂN HỘ CHI TIẾT

(Đính kèm công văn số: 152-TB/TP13-KD của : Công ty TNHH HTV Licogi13 Thuận Phước ngày 21/08/2026)

STT	CĂN HỘ	TOÀ	tầng	Vị trí	DIỆN TÍCH (m2)	Hệ số tầng	Hệ số góc	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Giá bán chưa thuế (đồng)	Giá bán gồm thuế (đồng)	Phí Bt 2% (đồng)	Giá bán gồm thuế, phí Bảo Trì 2% (đồng)
1	102	Block A	1	Thường, nội khu	61.50	1.0500	1.000	14,997,143	968,441,000	1,016,863,000	19,369,000	1,036,232,000
2	103	Block A	1	Thường, nội khu	46.80	1.0500	1.000	14,997,143	736,960,000	773,808,000	14,739,000	788,547,000
3	106	Block A	1	Góc, nội khu	57.60	1.0500	1.000	14,997,143	907,027,000	952,378,000	18,141,000	970,519,000
4	108	Block A	1	Thường, ngoại khu	56.30	1.0500	0.900	14,997,143	797,900,000	837,795,000	15,958,000	853,753,000
5	110	Block A	1	Góc	64.50	1.0500	1.087	14,997,143	1,104,046,000	1,159,248,000	22,081,000	1,181,329,000
6	111	Block A	1	Thường, ngoại khu	47.20	1.0500	1.000	14,997,143	743,258,000	780,421,000	14,865,000	795,286,000
7	112	Block A	1	Thường, ngoại khu	46.90	1.0500	1.000	14,997,143	738,534,000	775,461,000	14,771,000	790,232,000
8	113	Block A	1	Thường, ngoại khu	56.30	1.0500	1.000	14,997,143	886,556,000	930,884,000	17,731,000	948,615,000
9	114	Block A	1	Thường, ngoại khu	56.60	1.0500	0.900	14,997,143	802,152,000	842,260,000	16,043,000	858,303,000
10	115	Block A	1	Thường, ngoại khu	56.30	1.0500	0.900	14,997,143	797,900,000	837,795,000	15,958,000	853,753,000
11	116	Block A	1	Thường, ngoại khu	47.00	1.0500	1.000	14,997,143	740,109,000	777,114,000	14,802,000	791,916,000
12	117	Block A	1	Thường, ngoại khu	47.40	1.0500	1.000	14,997,143	746,408,000	783,728,000	14,928,000	798,656,000
13	118	Block A	1	Thường, ngoại khu	47.00	1.0500	1.000	14,997,143	740,109,000	777,114,000	14,802,000	791,916,000
14	201	Block A	2	Góc	64.20	0.9850	1.000	14,997,143	948,374,000	995,793,000	18,967,000	1,014,760,000
15	202	Block A	2	Thường	61.50	0.9850	1.000	14,997,143	908,489,000	953,913,000	18,170,000	972,083,000
16	204	Block A	2	Thường	56.30	0.9850	1.000	14,997,143	831,674,000	873,258,000	16,633,000	889,891,000
17	205	Block A	2	Thường	56.60	0.9850	1.000	14,997,143	836,106,000	877,911,000	16,722,000	894,633,000
18	206	Block A	2	Thường	56.00	0.9850	1.000	14,997,143	827,242,000	868,604,000	16,545,000	885,149,000
19	207	Block A	2	Góc	63.80	0.9850	1.000	14,997,143	942,465,000	989,588,000	18,849,000	1,008,437,000
20	208	Block A	2	Góc	64.50	0.9850	1.000	14,997,143	952,806,000	1,000,446,000	19,056,000	1,019,502,000
21	209	Block A	2	Thường	56.30	0.9850	1.000	14,997,143	831,674,000	873,258,000	16,633,000	889,891,000
22	210	Block A	2	Thường	56.60	0.9850	1.000	14,997,143	836,106,000	877,911,000	16,722,000	894,633,000
23	211	Block A	2	Góc	64.50	0.9850	1.000	14,997,143	952,806,000	1,000,446,000	19,056,000	1,019,502,000
24	212	Block A	2	Thường	47.20	0.9850	1.000	14,997,143	697,247,000	732,109,000	13,945,000	746,054,000
25	213	Block A	2	Thường	46.90	0.9850	1.000	14,997,143	692,816,000	727,457,000	13,856,000	741,313,000
26	214	Block A	2	Thường	56.30	0.9850	1.000	14,997,143	831,674,000	873,258,000	16,633,000	889,891,000
27	215	Block A	2	Thường	56.60	0.9850	1.000	14,997,143	836,106,000	877,911,000	16,722,000	894,633,000
28	216	Block A	2	Thường	56.30	0.9850	1.000	14,997,143	831,674,000	873,258,000	16,633,000	889,891,000
29	217	Block A	2	Thường	47.00	0.9850	1.000	14,997,143	694,293,000	729,008,000	13,886,000	742,894,000
30	218	Block A	2	Thường	47.40	0.9850	1.000	14,997,143	700,202,000	735,212,000	14,004,000	749,216,000
31	219	Block A	2	Thường	47.00	0.9850	1.000	14,997,143	694,293,000	729,008,000	13,886,000	742,894,000
32	220	Block A	2	Góc	64.40	0.9850	1.000	14,997,143	951,329,000	998,895,000	19,027,000	1,017,922,000
33	301	Block A	3	Góc	64.20	0.9865	1.000	14,997,143	949,819,000	997,310,000	18,996,000	1,016,306,000
34	302	Block A	3	Thường	61.50	0.9865	1.000	14,997,143	909,873,000	955,367,000	18,197,000	973,564,000
35	303	Block A	3	Thường	46.80	0.9865	1.000	14,997,143	692,391,000	727,011,000	13,848,000	740,859,000



STT	CĂN HỘ	TOÀ	tầng	Vị trí	DIỆN TÍCH (m2)	Hệ số tầng	Hệ số góc	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Giá bán chưa thuế (đồng)	Giá bán gồm thuế (đồng)	Phí Bt 2% (đồng)	Giá bán gồm thuế, phí Bảo Trì 2% (đồng)
36	304	Block A	3	Thường	56.30	0.9865	1.000	14,997,143	832,941,000	874,588,000	16,659,000	891,247,000
37	305	Block A	3	Thường	56.60	0.9865	1.000	14,997,143	837,379,000	879,248,000	16,748,000	895,996,000
38	306	Block A	3	Thường	56.00	0.9865	1.000	14,997,143	828,502,000	869,927,000	16,570,000	886,497,000
39	307	Block A	3	Góc	63.80	0.9865	1.000	14,997,143	943,901,000	991,096,000	18,878,000	1,009,974,000
40	308	Block A	3	Góc	64.50	0.9865	1.000	14,997,143	954,257,000	1,001,970,000	19,085,000	1,021,055,000
41	309	Block A	3	Thường	56.30	0.9865	1.000	14,997,143	832,941,000	874,588,000	16,659,000	891,247,000
42	310	Block A	3	Thường	56.60	0.9865	1.000	14,997,143	837,379,000	879,248,000	16,748,000	895,996,000
43	311	Block A	3	Góc	64.50	0.9865	1.000	14,997,143	954,257,000	1,001,970,000	19,085,000	1,021,055,000
44	312	Block A	3	Thường	47.20	0.9865	1.000	14,997,143	698,309,000	733,224,000	13,966,000	747,190,000
45	313	Block A	3	Thường	46.90	0.9865	1.000	14,997,143	693,871,000	728,565,000	13,877,000	742,442,000
46	314	Block A	3	Thường	56.30	0.9865	1.000	14,997,143	832,941,000	874,588,000	16,659,000	891,247,000
47	315	Block A	3	Thường	56.60	0.9865	1.000	14,997,143	837,379,000	879,248,000	16,748,000	895,996,000
48	316	Block A	3	Thường	56.30	0.9865	1.000	14,997,143	832,941,000	874,588,000	16,659,000	891,247,000
49	317	Block A	3	Thường	47.00	0.9865	1.000	14,997,143	695,350,000	730,118,000	13,907,000	744,025,000
50	318	Block A	3	Thường	47.40	0.9865	1.000	14,997,143	701,268,000	736,331,000	14,025,000	750,356,000
51	319	Block A	3	Thường	47.00	0.9865	1.000	14,997,143	695,350,000	730,118,000	13,907,000	744,025,000
52	320	Block A	3	Góc	64.40	0.9865	1.000	14,997,143	952,777,000	1,000,416,000	19,056,000	1,019,472,000
53	401	Block A	4	Góc	64.20	0.9880	1.000	14,997,143	951,263,000	998,826,000	19,025,000	1,017,851,000
54	402	Block A	4	Thường	61.50	0.9880	1.000	14,997,143	911,256,000	956,819,000	18,225,000	975,044,000
55	403	Block A	4	Thường	46.80	0.9880	1.000	14,997,143	693,444,000	728,116,000	13,869,000	741,985,000
56	404	Block A	4	Thường	56.30	0.9880	1.000	14,997,143	834,207,000	875,917,000	16,684,000	892,601,000
57	405	Block A	4	Thường	56.60	0.9880	1.000	14,997,143	838,652,000	880,585,000	16,773,000	897,358,000
58	406	Block A	4	Thường	56.00	0.9880	1.000	14,997,143	829,762,000	871,250,000	16,595,000	887,845,000
59	407	Block A	4	Góc	63.80	0.9880	1.000	14,997,143	945,336,000	992,603,000	18,907,000	1,011,510,000
60	408	Block A	4	Góc	64.50	0.9880	1.000	14,997,143	955,708,000	1,003,493,000	19,114,000	1,022,607,000
61	409	Block A	4	Thường	56.30	0.9880	1.000	14,997,143	834,207,000	875,917,000	16,684,000	892,601,000
62	410	Block A	4	Thường	56.60	0.9880	1.000	14,997,143	838,652,000	880,585,000	16,773,000	897,358,000
63	411	Block A	4	Góc	64.50	0.9880	1.000	14,997,143	955,708,000	1,003,493,000	19,114,000	1,022,607,000
64	412	Block A	4	Thường	47.20	0.9880	1.000	14,997,143	699,371,000	734,340,000	13,987,000	748,327,000
65	413	Block A	4	Thường	46.90	0.9880	1.000	14,997,143	694,926,000	729,672,000	13,899,000	743,571,000
66	414	Block A	4	Thường	56.30	0.9880	1.000	14,997,143	834,207,000	875,917,000	16,684,000	892,601,000
67	415	Block A	4	Thường	56.60	0.9880	1.000	14,997,143	838,652,000	880,585,000	16,773,000	897,358,000
68	416	Block A	4	Thường	56.30	0.9880	1.000	14,997,143	834,207,000	875,917,000	16,684,000	892,601,000
69	417	Block A	4	Thường	47.00	0.9880	1.000	14,997,143	696,407,000	731,227,000	13,928,000	745,155,000
70	418	Block A	4	Thường	47.40	0.9880	1.000	14,997,143	702,334,000	737,451,000	14,047,000	751,498,000
71	419	Block A	4	Thường	47.00	0.9880	1.000	14,997,143	696,407,000	731,227,000	13,928,000	745,155,000
72	420	Block A	4	Góc	64.40	0.9880	1.000	14,997,143	954,226,000	1,001,937,000	19,085,000	1,021,022,000
73	501	Block A	5	Góc	64.20	0.9895	1.000	14,997,143	952,707,000	1,000,342,000	19,054,000	1,019,396,000

STT	CĂN HỘ	TOÀ	tầng	Vị trí	DIỆN TÍCH (m2)	Hệ số tầng	Hệ số góc	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Giá bán chưa thuế (đồng)	Giá bán gồm thuế (đồng)	Phí Bt 2% (đồng)	Giá bán gồm thuế, phí Bảo Trì 2% (đồng)
74	502	Block A	5	Thường	61.50	0.9895	1.000	14,997,143	912,640,000	958,272,000	18,253,000	976,525,000
75	503	Block A	5	Thường	46.80	0.9895	1.000	14,997,143	694,497,000	729,222,000	13,890,000	743,112,000
76	504	Block A	5	Thường	56.30	0.9895	1.000	14,997,143	835,474,000	877,248,000	16,709,000	893,957,000
77	505	Block A	5	Thường	56.60	0.9895	1.000	14,997,143	839,925,000	881,921,000	16,799,000	898,720,000
78	506	Block A	5	Thường	56.00	0.9895	1.000	14,997,143	831,022,000	872,573,000	16,620,000	889,193,000
79	507	Block A	5	Góc	63.80	0.9895	1.000	14,997,143	946,771,000	994,110,000	18,935,000	1,013,045,000
80	508	Block A	5	Góc	64.50	0.9895	1.000	14,997,143	957,159,000	1,005,017,000	19,143,000	1,024,160,000
81	509	Block A	5	Thường	56.30	0.9895	1.000	14,997,143	835,474,000	877,248,000	16,709,000	893,957,000
82	510	Block A	5	Thường	56.60	0.9895	1.000	14,997,143	839,925,000	881,921,000	16,799,000	898,720,000
83	511	Block A	5	Góc	64.50	0.9895	1.000	14,997,143	957,159,000	1,005,017,000	19,143,000	1,024,160,000
84	512	Block A	5	Thường	47.20	0.9895	1.000	14,997,143	700,433,000	735,455,000	14,009,000	749,464,000
85	513	Block A	5	Thường	46.90	0.9895	1.000	14,997,143	695,981,000	730,780,000	13,920,000	744,700,000
86	514	Block A	5	Thường	56.30	0.9895	1.000	14,997,143	835,474,000	877,248,000	16,709,000	893,957,000
87	515	Block A	5	Thường	56.60	0.9895	1.000	14,997,143	839,925,000	881,921,000	16,799,000	898,720,000
88	516	Block A	5	Thường	56.30	0.9895	1.000	14,997,143	835,474,000	877,248,000	16,709,000	893,957,000
89	517	Block A	5	Thường	47.00	0.9895	1.000	14,997,143	697,465,000	732,338,000	13,949,000	746,287,000
90	518	Block A	5	Thường	47.40	0.9895	1.000	14,997,143	703,400,000	738,570,000	14,068,000	752,638,000
91	519	Block A	5	Thường	47.00	0.9895	1.000	14,997,143	697,465,000	732,338,000	13,949,000	746,287,000
92	520	Block A	5	Góc	64.40	0.9895	1.000	14,997,143	955,675,000	1,003,459,000	19,114,000	1,022,573,000
93	601	Block A	6	Góc	64.20	0.9910	1.000	14,997,143	954,151,000	1,001,859,000	19,083,000	1,020,942,000
94	602	Block A	6	Thường	61.50	0.9910	1.000	14,997,143	914,023,000	959,724,000	18,280,000	978,004,000
95	603	Block A	6	Thường	46.80	0.9910	1.000	14,997,143	695,549,000	730,326,000	13,911,000	744,237,000
96	604	Block A	6	Thường	56.30	0.9910	1.000	14,997,143	836,740,000	878,577,000	16,735,000	895,312,000
97	605	Block A	6	Thường	56.60	0.9910	1.000	14,997,143	841,199,000	883,259,000	16,824,000	900,083,000
98	606	Block A	6	Thường	56.00	0.9910	1.000	14,997,143	832,281,000	873,895,000	16,646,000	890,541,000
99	607	Block A	6	Góc	63.80	0.9910	1.000	14,997,143	948,206,000	995,616,000	18,964,000	1,014,580,000
100	608	Block A	6	Góc	64.50	0.9910	1.000	14,997,143	958,610,000	1,006,541,000	19,172,000	1,025,713,000
101	609	Block A	6	Thường	56.30	0.9910	1.000	14,997,143	836,740,000	878,577,000	16,735,000	895,312,000
102	610	Block A	6	Thường	56.60	0.9910	1.000	14,997,143	841,199,000	883,259,000	16,824,000	900,083,000
103	611	Block A	6	Góc	64.50	0.9910	1.000	14,997,143	958,610,000	1,006,541,000	19,172,000	1,025,713,000
104	612	Block A	6	Thường	47.20	0.9910	1.000	14,997,143	701,494,000	736,569,000	14,030,000	750,599,000
105	613	Block A	6	Thường	46.90	0.9910	1.000	14,997,143	697,036,000	731,888,000	13,941,000	745,829,000
106	614	Block A	6	Thường	56.30	0.9910	1.000	14,997,143	836,740,000	878,577,000	16,735,000	895,312,000
107	615	Block A	6	Thường	56.60	0.9910	1.000	14,997,143	841,199,000	883,259,000	16,824,000	900,083,000
108	616	Block A	6	Thường	56.30	0.9910	1.000	14,997,143	836,740,000	878,577,000	16,735,000	895,312,000
109	617	Block A	6	Thường	47.00	0.9910	1.000	14,997,143	698,522,000	733,448,000	13,970,000	747,418,000
110	618	Block A	6	Thường	47.40	0.9910	1.000	14,997,143	704,467,000	739,690,000	14,089,000	753,779,000
111	619	Block A	6	Thường	47.00	0.9910	1.000	14,997,143	698,522,000	733,448,000	13,970,000	747,418,000

STT	CĂN HỘ	TOÀ	tầng	Vị trí	DIỆN TÍCH (m2)	Hệ số tầng	Hệ số góc	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Giá bán chưa thuế (đồng)	Giá bán gồm thuế (đồng)	Phí Bt 2% (đồng)	Giá bán gồm thuế, phí Bảo Trì 2% (đồng)
112	620	Block A	6	Góc	64.40	0.9910	1.000	14,997,143	957,124,000	1,004,980,000	19,142,000	1,024,122,000
113	701	Block A	7	Góc	64.20	0.9925	1.000	14,997,143	955,595,000	1,003,375,000	19,112,000	1,022,487,000
114	702	Block A	7	Thường	61.50	0.9925	1.000	14,997,143	915,407,000	961,177,000	18,308,000	979,485,000
115	703	Block A	7	Thường	46.80	0.9925	1.000	14,997,143	696,602,000	731,432,000	13,932,000	745,364,000
116	704	Block A	7	Thường	56.30	0.9925	1.000	14,997,143	838,007,000	879,907,000	16,760,000	896,667,000
117	705	Block A	7	Thường	56.60	0.9925	1.000	14,997,143	842,472,000	884,596,000	16,849,000	901,445,000
118	706	Block A	7	Thường	56.00	0.9925	1.000	14,997,143	833,541,000	875,218,000	16,671,000	891,889,000
119	707	Block A	7	Góc	63.80	0.9925	1.000	14,997,143	949,642,000	997,124,000	18,993,000	1,016,117,000
120	708	Block A	7	Góc	64.50	0.9925	1.000	14,997,143	960,061,000	1,008,064,000	19,201,000	1,027,265,000
121	709	Block A	7	Thường	56.30	0.9925	1.000	14,997,143	838,007,000	879,907,000	16,760,000	896,667,000
122	710	Block A	7	Thường	56.60	0.9925	1.000	14,997,143	842,472,000	884,596,000	16,849,000	901,445,000
123	711	Block A	7	Góc	64.50	0.9925	1.000	14,997,143	960,061,000	1,008,064,000	19,201,000	1,027,265,000
124	712	Block A	7	Thường	47.20	0.9925	1.000	14,997,143	702,556,000	737,684,000	14,051,000	751,735,000
125	713	Block A	7	Thường	46.90	0.9925	1.000	14,997,143	698,091,000	732,996,000	13,962,000	746,958,000
126	714	Block A	7	Thường	56.30	0.9925	1.000	14,997,143	838,007,000	879,907,000	16,760,000	896,667,000
127	715	Block A	7	Thường	56.60	0.9925	1.000	14,997,143	842,472,000	884,596,000	16,849,000	901,445,000
128	716	Block A	7	Thường	56.30	0.9925	1.000	14,997,143	838,007,000	879,907,000	16,760,000	896,667,000
129	717	Block A	7	Thường	47.00	0.9925	1.000	14,997,143	699,579,000	734,558,000	13,992,000	748,550,000
130	718	Block A	7	Thường	47.40	0.9925	1.000	14,997,143	705,533,000	740,810,000	14,111,000	754,921,000
131	719	Block A	7	Thường	47.00	0.9925	1.000	14,997,143	699,579,000	734,558,000	13,992,000	748,550,000
132	720	Block A	7	Góc	64.40	0.9925	1.000	14,997,143	958,572,000	1,006,501,000	19,171,000	1,025,672,000
133	801	Block A	8	Góc	64.20	0.9940	1.000	14,997,143	957,040,000	1,004,892,000	19,141,000	1,024,033,000
134	802	Block A	8	Thường	61.50	0.9940	1.000	14,997,143	916,790,000	962,630,000	18,336,000	980,966,000
135	803	Block A	8	Thường	46.80	0.9940	1.000	14,997,143	697,655,000	732,538,000	13,953,000	746,491,000
136	804	Block A	8	Thường	56.30	0.9940	1.000	14,997,143	839,273,000	881,237,000	16,785,000	898,022,000
137	805	Block A	8	Thường	56.60	0.9940	1.000	14,997,143	843,745,000	885,932,000	16,875,000	902,807,000
138	806	Block A	8	Thường	56.00	0.9940	1.000	14,997,143	834,801,000	876,541,000	16,696,000	893,237,000
139	807	Block A	8	Góc	63.80	0.9940	1.000	14,997,143	951,077,000	998,631,000	19,022,000	1,017,653,000
140	808	Block A	8	Góc	64.50	0.9940	1.000	14,997,143	961,512,000	1,009,588,000	19,230,000	1,028,818,000
141	809	Block A	8	Thường	56.30	0.9940	1.000	14,997,143	839,273,000	881,237,000	16,785,000	898,022,000
142	810	Block A	8	Thường	56.60	0.9940	1.000	14,997,143	843,745,000	885,932,000	16,875,000	902,807,000
143	811	Block A	8	Góc	64.50	0.9940	1.000	14,997,143	961,512,000	1,009,588,000	19,230,000	1,028,818,000
144	812	Block A	8	Thường	47.20	0.9940	1.000	14,997,143	703,618,000	738,799,000	14,072,000	752,871,000
145	813	Block A	8	Thường	46.90	0.9940	1.000	14,997,143	699,146,000	734,103,000	13,983,000	748,086,000
146	814	Block A	8	Thường	56.30	0.9940	1.000	14,997,143	839,273,000	881,237,000	16,785,000	898,022,000
147	815	Block A	8	Thường	56.60	0.9940	1.000	14,997,143	843,745,000	885,932,000	16,875,000	902,807,000
148	816	Block A	8	Thường	56.30	0.9940	1.000	14,997,143	839,273,000	881,237,000	16,785,000	898,022,000
149	817	Block A	8	Thường	47.00	0.9940	1.000	14,997,143	700,637,000	735,669,000	14,013,000	749,682,000

STT	CĂN HỘ	TOÀ	tầng	Vị trí	DIỆN TÍCH (m2)	Hệ số tầng	Hệ số góc	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Giá bán chưa thuế (đồng)	Giá bán gồm thuế (đồng)	Phí Bt 2% (đồng)	Giá bán gồm thuế, phí Bảo Trì 2% (đồng)
150	818	Block A	8	Thường	47.40	0.9940	1.000	14,997,143	706,599,000	741,929,000	14,132,000	756,061,000
151	819	Block A	8	Thường	47.00	0.9940	1.000	14,997,143	700,637,000	735,669,000	14,013,000	749,682,000
152	820	Block A	8	Góc	64.40	0.9940	1.000	14,997,143	960,021,000	1,008,022,000	19,200,000	1,027,222,000
153	901	Block A	9	Góc	64.20	0.9955	1.000	14,997,143	958,484,000	1,006,408,000	19,170,000	1,025,578,000
154	902	Block A	9	Thường	61.50	0.9955	1.000	14,997,143	918,174,000	964,083,000	18,363,000	982,446,000
155	903	Block A	9	Thường	46.80	0.9955	1.000	14,997,143	698,708,000	733,643,000	13,974,000	747,617,000
156	904	Block A	9	Thường	56.30	0.9955	1.000	14,997,143	840,540,000	882,567,000	16,811,000	899,378,000
157	905	Block A	9	Thường	56.60	0.9955	1.000	14,997,143	845,019,000	887,270,000	16,900,000	904,170,000
158	907	Block A	9	Góc	63.80	0.9955	1.000	14,997,143	952,512,000	1,000,138,000	19,050,000	1,019,188,000
159	908	Block A	9	Góc	64.50	0.9955	1.000	14,997,143	962,963,000	1,011,111,000	19,259,000	1,030,370,000
160	909	Block A	9	Thường	56.30	0.9955	1.000	14,997,143	840,540,000	882,567,000	16,811,000	899,378,000
161	910	Block A	9	Thường	56.60	0.9955	1.000	14,997,143	845,019,000	887,270,000	16,900,000	904,170,000
162	911	Block A	9	Góc	64.50	0.9955	1.000	14,997,143	962,963,000	1,011,111,000	19,259,000	1,030,370,000
163	912	Block A	9	Thường	47.20	0.9955	1.000	14,997,143	704,680,000	739,914,000	14,094,000	754,008,000
164	913	Block A	9	Thường	46.90	0.9955	1.000	14,997,143	700,201,000	735,211,000	14,004,000	749,215,000
165	914	Block A	9	Thường	56.30	0.9955	1.000	14,997,143	840,540,000	882,567,000	16,811,000	899,378,000
166	915	Block A	9	Thường	56.60	0.9955	1.000	14,997,143	845,019,000	887,270,000	16,900,000	904,170,000
167	916	Block A	9	Thường	56.30	0.9955	1.000	14,997,143	840,540,000	882,567,000	16,811,000	899,378,000
168	917	Block A	9	Thường	47.00	0.9955	1.000	14,997,143	701,694,000	736,779,000	14,034,000	750,813,000
169	918	Block A	9	Thường	47.40	0.9955	1.000	14,997,143	707,666,000	743,049,000	14,153,000	757,202,000
170	919	Block A	9	Thường	47.00	0.9955	1.000	14,997,143	701,694,000	736,779,000	14,034,000	750,813,000
171	920	Block A	9	Góc	64.40	0.9955	1.000	14,997,143	961,470,000	1,009,544,000	19,229,000	1,028,773,000
172	1,001	Block A	10	Góc	64.20	0.9970	1.000	14,997,143	959,928,000	1,007,924,000	19,199,000	1,027,123,000
173	1,002	Block A	10	Thường	61.50	0.9970	1.000	14,997,143	919,557,000	965,535,000	18,391,000	983,926,000
174	1,003	Block A	10	Thường	46.80	0.9970	1.000	14,997,143	699,761,000	734,749,000	13,995,000	748,744,000
175	1,004	Block A	10	Thường	56.30	0.9970	1.000	14,997,143	841,806,000	883,896,000	16,836,000	900,732,000
176	1,005	Block A	10	Thường	56.60	0.9970	1.000	14,997,143	846,292,000	888,607,000	16,926,000	905,533,000
177	1,006	Block A	10	Thường	56.00	0.9970	1.000	14,997,143	837,320,000	879,186,000	16,746,000	895,932,000
178	1,007	Block A	10	Góc	63.80	0.9970	1.000	14,997,143	953,947,000	1,001,644,000	19,079,000	1,020,723,000
179	1,008	Block A	10	Góc	64.50	0.9970	1.000	14,997,143	964,414,000	1,012,635,000	19,288,000	1,031,923,000
180	1,009	Block A	10	Thường	56.30	0.9970	1.000	14,997,143	841,806,000	883,896,000	16,836,000	900,732,000
181	1,010	Block A	10	Thường	56.60	0.9970	1.000	14,997,143	846,292,000	888,607,000	16,926,000	905,533,000
182	1,011	Block A	10	Góc	64.50	0.9970	1.000	14,997,143	964,414,000	1,012,635,000	19,288,000	1,031,923,000
183	1,012	Block A	10	Thường	47.20	0.9970	1.000	14,997,143	705,742,000	741,029,000	14,115,000	755,144,000
184	1,013	Block A	10	Thường	46.90	0.9970	1.000	14,997,143	701,256,000	736,319,000	14,025,000	750,344,000
185	1,014	Block A	10	Thường	56.30	0.9970	1.000	14,997,143	841,806,000	883,896,000	16,836,000	900,732,000
186	1,015	Block A	10	Thường	56.60	0.9970	1.000	14,997,143	846,292,000	888,607,000	16,926,000	905,533,000
187	1,016	Block A	10	Thường	56.30	0.9970	1.000	14,997,143	841,806,000	883,896,000	16,836,000	900,732,000

STT	CĂN HỘ	TOÀ	tầng	Vị trí	DIỆN TÍCH (m2)	Hệ số tầng	Hệ số góc	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Giá bán chưa thuế (đồng)	Giá bán gồm thuế (đồng)	Phí Bt 2% (đồng)	Giá bán gồm thuế, phí Bảo Trì 2% (đồng)
188	1,017	Block A	10	Thường	47.00	0.9970	1.000	14,997,143	702,751,000	737,889,000	14,055,000	751,944,000
189	1,018	Block A	10	Thường	47.40	0.9970	1.000	14,997,143	708,732,000	744,169,000	14,175,000	758,344,000
190	1,019	Block A	10	Thường	47.00	0.9970	1.000	14,997,143	702,751,000	737,889,000	14,055,000	751,944,000
191	1,020	Block A	10	Góc	64.40	0.9970	1.000	14,997,143	962,919,000	1,011,065,000	19,258,000	1,030,323,000
192	1,101	Block A	11	Góc	64.20	1.0030	1.000	14,997,143	965,705,000	1,013,990,000	19,314,000	1,033,304,000
193	1,102	Block A	11	Thường	61.50	1.0030	1.000	14,997,143	925,091,000	971,346,000	18,502,000	989,848,000
194	1,103	Block A	11	Thường	46.80	1.0030	1.000	14,997,143	703,972,000	739,171,000	14,079,000	753,250,000
195	1,104	Block A	11	Thường	56.30	1.0030	1.000	14,997,143	846,872,000	889,216,000	16,937,000	906,153,000
196	1,105	Block A	11	Thường	56.60	1.0030	1.000	14,997,143	851,385,000	893,954,000	17,028,000	910,982,000
197	1,106	Block A	11	Thường	56.00	1.0030	1.000	14,997,143	842,360,000	884,478,000	16,847,000	901,325,000
198	1,107	Block A	11	Góc	63.80	1.0030	1.000	14,997,143	959,688,000	1,007,672,000	19,194,000	1,026,866,000
199	1,108	Block A	11	Góc	64.50	1.0030	1.000	14,997,143	970,218,000	1,018,729,000	19,404,000	1,038,133,000
200	1,109	Block A	11	Thường	56.30	1.0030	1.000	14,997,143	846,872,000	889,216,000	16,937,000	906,153,000
201	1,110	Block A	11	Thường	56.60	1.0030	1.000	14,997,143	851,385,000	893,954,000	17,028,000	910,982,000
202	1,111	Block A	11	Góc	64.50	1.0030	1.000	14,997,143	970,218,000	1,018,729,000	19,404,000	1,038,133,000
203	1,112	Block A	11	Thường	47.20	1.0030	1.000	14,997,143	709,989,000	745,488,000	14,200,000	759,688,000
204	1,113	Block A	11	Thường	46.90	1.0030	1.000	14,997,143	705,476,000	740,750,000	14,110,000	754,860,000
205	1,114	Block A	11	Thường	56.30	1.0030	1.000	14,997,143	846,872,000	889,216,000	16,937,000	906,153,000
206	1,115	Block A	11	Thường	56.60	1.0030	1.000	14,997,143	851,385,000	893,954,000	17,028,000	910,982,000
207	1,116	Block A	11	Thường	56.30	1.0030	1.000	14,997,143	846,872,000	889,216,000	16,937,000	906,153,000
208	1,117	Block A	11	Thường	47.00	1.0030	1.000	14,997,143	706,980,000	742,329,000	14,140,000	756,469,000
209	1,118	Block A	11	Thường	47.40	1.0030	1.000	14,997,143	712,997,000	748,647,000	14,260,000	762,907,000
210	1,119	Block A	11	Thường	47.00	1.0030	1.000	14,997,143	706,980,000	742,329,000	14,140,000	756,469,000
211	1,120	Block A	11	Góc	64.40	1.0030	1.000	14,997,143	968,713,000	1,017,149,000	19,374,000	1,036,523,000
212	1,201	Block A	12	Góc	64.20	1.0045	1.000	14,997,143	967,149,000	1,015,506,000	19,343,000	1,034,849,000
213	1,202	Block A	12	Thường	61.50	1.0045	1.000	14,997,143	926,475,000	972,799,000	18,530,000	991,329,000
214	1,203	Block A	12	Thường	46.80	1.0045	1.000	14,997,143	705,025,000	740,276,000	14,101,000	754,377,000
215	1,204	Block A	12	Thường	56.30	1.0045	1.000	14,997,143	848,139,000	890,546,000	16,963,000	907,509,000
216	1,205	Block A	12	Thường	56.60	1.0045	1.000	14,997,143	852,658,000	895,291,000	17,053,000	912,344,000
217	1,206	Block A	12	Thường	56.00	1.0045	1.000	14,997,143	843,619,000	885,800,000	16,872,000	902,672,000
218	1,207	Block A	12	Góc	63.80	1.0045	1.000	14,997,143	961,123,000	1,009,179,000	19,222,000	1,028,401,000
219	1,208	Block A	12	Góc	64.50	1.0045	1.000	14,997,143	971,669,000	1,020,252,000	19,433,000	1,039,685,000
220	1,209	Block A	12	Thường	56.30	1.0045	1.000	14,997,143	848,139,000	890,546,000	16,963,000	907,509,000
221	1,210	Block A	12	Thường	56.60	1.0045	1.000	14,997,143	852,658,000	895,291,000	17,053,000	912,344,000
222	1,211	Block A	12	Góc	64.50	1.0045	1.000	14,997,143	971,669,000	1,020,252,000	19,433,000	1,039,685,000
223	1,212	Block A	12	Thường	47.20	1.0045	1.000	14,997,143	711,051,000	746,604,000	14,221,000	760,825,000
224	1,213	Block A	12	Thường	46.90	1.0045	1.000	14,997,143	706,531,000	741,858,000	14,131,000	755,989,000
225	1,214	Block A	12	Thường	56.30	1.0045	1.000	14,997,143	848,139,000	890,546,000	16,963,000	907,509,000

STT	CĂN HỘ	TOÀ	tầng	Vị trí	DIỆN TÍCH (m2)	Hệ số tầng	Hệ số góc	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Giá bán chưa thuế (đồng)	Giá bán gồm thuế (đồng)	Phí Bt 2% (đồng)	Giá bán gồm thuế, phí Bảo Trì 2% (đồng)
226	1,215	Block A	12	Thường	56.60	1.0045	1.000	14,997,143	852,658,000	895,291,000	17,053,000	912,344,000
227	1,216	Block A	12	Thường	56.30	1.0045	1.000	14,997,143	848,139,000	890,546,000	16,963,000	907,509,000
228	1,217	Block A	12	Thường	47.00	1.0045	1.000	14,997,143	708,038,000	743,440,000	14,161,000	757,601,000
229	1,218	Block A	12	Thường	47.40	1.0045	1.000	14,997,143	714,063,000	749,766,000	14,281,000	764,047,000
230	1,219	Block A	12	Thường	47.00	1.0045	1.000	14,997,143	708,038,000	743,440,000	14,161,000	757,601,000
231	1,220	Block A	12	Góc	64.40	1.0045	1.000	14,997,143	970,162,000	1,018,670,000	19,403,000	1,038,073,000
232	1,301	Block A	13	Góc	64.20	1.0060	1.000	14,997,143	968,593,000	1,017,023,000	19,372,000	1,036,395,000
233	1,302	Block A	13	Thường	61.50	1.0060	1.000	14,997,143	927,858,000	974,251,000	18,557,000	992,808,000
234	1,303	Block A	13	Thường	46.80	1.0060	1.000	14,997,143	706,077,000	741,381,000	14,122,000	755,503,000
235	1,304	Block A	13	Thường	56.30	1.0060	1.000	14,997,143	849,405,000	891,875,000	16,988,000	908,863,000
236	1,305	Block A	13	Thường	56.60	1.0060	1.000	14,997,143	853,931,000	896,628,000	17,079,000	913,707,000
237	1,306	Block A	13	Thường	56.00	1.0060	1.000	14,997,143	844,879,000	887,123,000	16,898,000	904,021,000
238	1,307	Block A	13	Góc	63.80	1.0060	1.000	14,997,143	962,559,000	1,010,687,000	19,251,000	1,029,938,000
239	1,308	Block A	13	Góc	64.50	1.0060	1.000	14,997,143	973,120,000	1,021,776,000	19,462,000	1,041,238,000
240	1,309	Block A	13	Thường	56.30	1.0060	1.000	14,997,143	849,405,000	891,875,000	16,988,000	908,863,000
241	1,310	Block A	13	Thường	56.60	1.0060	1.000	14,997,143	853,931,000	896,628,000	17,079,000	913,707,000
242	1,311	Block A	13	Góc	64.50	1.0060	1.000	14,997,143	973,120,000	1,021,776,000	19,462,000	1,041,238,000
243	1,312	Block A	13	Thường	47.20	1.0060	1.000	14,997,143	712,112,000	747,718,000	14,242,000	761,960,000
244	1,313	Block A	13	Thường	46.90	1.0060	1.000	14,997,143	707,586,000	742,965,000	14,152,000	757,117,000
245	1,314	Block A	13	Thường	56.30	1.0060	1.000	14,997,143	849,405,000	891,875,000	16,988,000	908,863,000
246	1,315	Block A	13	Thường	56.60	1.0060	1.000	14,997,143	853,931,000	896,628,000	17,079,000	913,707,000
247	1,316	Block A	13	Thường	56.30	1.0060	1.000	14,997,143	849,405,000	891,875,000	16,988,000	908,863,000
248	1,317	Block A	13	Thường	47.00	1.0060	1.000	14,997,143	709,095,000	744,550,000	14,182,000	758,732,000
249	1,318	Block A	13	Thường	47.40	1.0060	1.000	14,997,143	715,130,000	750,887,000	14,303,000	765,190,000
250	1,319	Block A	13	Thường	47.00	1.0060	1.000	14,997,143	709,095,000	744,550,000	14,182,000	758,732,000
251	1,320	Block A	13	Góc	64.40	1.0060	1.000	14,997,143	971,611,000	1,020,192,000	19,432,000	1,039,624,000
252	1,401	Block A	14	Góc	64.20	1.0075	1.000	14,997,143	970,038,000	1,018,540,000	19,401,000	1,037,941,000
253	1,402	Block A	14	Thường	61.50	1.0075	1.000	14,997,143	929,242,000	975,704,000	18,585,000	994,289,000
254	1,403	Block A	14	Thường	46.80	1.0075	1.000	14,997,143	707,130,000	742,487,000	14,143,000	756,630,000
255	1,404	Block A	14	Thường	56.30	1.0075	1.000	14,997,143	850,672,000	893,206,000	17,013,000	910,219,000
256	1,405	Block A	14	Thường	56.60	1.0075	1.000	14,997,143	855,205,000	897,965,000	17,104,000	915,069,000
257	1,406	Block A	14	Thường	56.00	1.0075	1.000	14,997,143	846,139,000	888,446,000	16,923,000	905,369,000
258	1,407	Block A	14	Góc	63.80	1.0075	1.000	14,997,143	963,994,000	1,012,194,000	19,280,000	1,031,474,000
259	1,408	Block A	14	Góc	64.50	1.0075	1.000	14,997,143	974,571,000	1,023,300,000	19,491,000	1,042,791,000
260	1,409	Block A	14	Thường	56.30	1.0075	1.000	14,997,143	850,672,000	893,206,000	17,013,000	910,219,000
261	1,410	Block A	14	Thường	56.60	1.0075	1.000	14,997,143	855,205,000	897,965,000	17,104,000	915,069,000
262	1,411	Block A	14	Góc	64.50	1.0075	1.000	14,997,143	974,571,000	1,023,300,000	19,491,000	1,042,791,000
263	1,412	Block A	14	Thường	47.20	1.0075	1.000	14,997,143	713,174,000	748,833,000	14,263,000	763,096,000

STT	CĂN HỘ	TOÀ	tầng	Vị trí	DIỆN TÍCH (m2)	Hệ số tầng	Hệ số góc	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Giá bán chưa thuế (đồng)	Giá bán gồm thuế (đồng)	Phí Bt 2% (đồng)	Giá bán gồm thuế, phí Bảo Trì 2% (đồng)
264	1,413	Block A	14	Thường	46.90	1.0075	1.000	14,997,143	708,641,000	744,073,000	14,173,000	758,246,000
265	1,414	Block A	14	Thường	56.30	1.0075	1.000	14,997,143	850,672,000	893,206,000	17,013,000	910,219,000
266	1,415	Block A	14	Thường	56.60	1.0075	1.000	14,997,143	855,205,000	897,965,000	17,104,000	915,069,000
267	1,416	Block A	14	Thường	56.30	1.0075	1.000	14,997,143	850,672,000	893,206,000	17,013,000	910,219,000
268	1,417	Block A	14	Thường	47.00	1.0075	1.000	14,997,143	710,152,000	745,660,000	14,203,000	759,863,000
269	1,418	Block A	14	Thường	47.40	1.0075	1.000	14,997,143	716,196,000	752,006,000	14,324,000	766,330,000
270	1,419	Block A	14	Thường	47.00	1.0075	1.000	14,997,143	710,152,000	745,660,000	14,203,000	759,863,000
271	1,420	Block A	14	Góc	64.40	1.0075	1.000	14,997,143	973,060,000	1,021,713,000	19,461,000	1,041,174,000
272	1,501	Block A	15	Góc	64.20	1.0090	1.000	14,997,143	971,482,000	1,020,056,000	19,430,000	1,039,486,000
273	1,502	Block A	15	Thường	61.50	1.0090	1.000	14,997,143	930,625,000	977,156,000	18,613,000	995,769,000
274	1,503	Block A	15	Thường	46.80	1.0090	1.000	14,997,143	708,183,000	743,592,000	14,164,000	757,756,000
275	1,504	Block A	15	Thường	56.30	1.0090	1.000	14,997,143	851,938,000	894,535,000	17,039,000	911,574,000
276	1,505	Block A	15	Thường	56.60	1.0090	1.000	14,997,143	856,478,000	899,302,000	17,130,000	916,432,000
277	1,506	Block A	15	Thường	56.00	1.0090	1.000	14,997,143	847,399,000	889,769,000	16,948,000	906,717,000
278	1,507	Block A	15	Góc	63.80	1.0090	1.000	14,997,143	965,429,000	1,013,700,000	19,309,000	1,033,009,000
279	1,508	Block A	15	Góc	64.50	1.0090	1.000	14,997,143	976,022,000	1,024,823,000	19,520,000	1,044,343,000
280	1,509	Block A	15	Thường	56.30	1.0090	1.000	14,997,143	851,938,000	894,535,000	17,039,000	911,574,000
281	1,510	Block A	15	Thường	56.60	1.0090	1.000	14,997,143	856,478,000	899,302,000	17,130,000	916,432,000
282	1,511	Block A	15	Góc	64.50	1.0090	1.000	14,997,143	976,022,000	1,024,823,000	19,520,000	1,044,343,000
283	1,512	Block A	15	Thường	47.20	1.0090	1.000	14,997,143	714,236,000	749,948,000	14,285,000	764,233,000
284	1,513	Block A	15	Thường	46.90	1.0090	1.000	14,997,143	709,696,000	745,181,000	14,194,000	759,375,000
285	1,514	Block A	15	Thường	56.30	1.0090	1.000	14,997,143	851,938,000	894,535,000	17,039,000	911,574,000
286	1,515	Block A	15	Thường	56.60	1.0090	1.000	14,997,143	856,478,000	899,302,000	17,130,000	916,432,000
287	1,516	Block A	15	Thường	56.30	1.0090	1.000	14,997,143	851,938,000	894,535,000	17,039,000	911,574,000
288	1,517	Block A	15	Thường	47.00	1.0090	1.000	14,997,143	711,210,000	746,771,000	14,224,000	760,995,000
289	1,518	Block A	15	Thường	47.40	1.0090	1.000	14,997,143	717,262,000	753,125,000	14,345,000	767,470,000
290	1,519	Block A	15	Thường	47.00	1.0090	1.000	14,997,143	711,210,000	746,771,000	14,224,000	760,995,000
291	1,520	Block A	15	Góc	64.40	1.0090	1.000	14,997,143	974,508,000	1,023,233,000	19,490,000	1,042,723,000
292	1,601	Block A	16	Góc	64.20	1.0105	1.000	14,997,143	972,926,000	1,021,572,000	19,459,000	1,041,031,000
293	1,602	Block A	16	Thường	61.50	1.0105	1.000	14,997,143	932,009,000	978,609,000	18,640,000	997,249,000
294	1,603	Block A	16	Thường	46.80	1.0105	1.000	14,997,143	709,236,000	744,698,000	14,185,000	758,883,000
295	1,604	Block A	16	Thường	56.30	1.0105	1.000	14,997,143	853,205,000	895,865,000	17,064,000	912,929,000
296	1,605	Block A	16	Thường	56.60	1.0105	1.000	14,997,143	857,751,000	900,639,000	17,155,000	917,794,000
297	1,606	Block A	16	Thường	56.00	1.0105	1.000	14,997,143	848,658,000	891,091,000	16,973,000	908,064,000
298	1,607	Block A	16	Góc	63.80	1.0105	1.000	14,997,143	966,864,000	1,015,207,000	19,337,000	1,034,544,000
299	1,608	Block A	16	Góc	64.50	1.0105	1.000	14,997,143	977,473,000	1,026,347,000	19,549,000	1,045,896,000
300	1,609	Block A	16	Thường	56.30	1.0105	1.000	14,997,143	853,205,000	895,865,000	17,064,000	912,929,000
301	1,610	Block A	16	Thường	56.60	1.0105	1.000	14,997,143	857,751,000	900,639,000	17,155,000	917,794,000

STT	CĂN HỘ	TOÀ	tầng	Vị trí	DIỆN TÍCH (m2)	Hệ số tầng	Hệ số góc	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Giá bán chưa thuế (đồng)	Giá bán gồm thuế (đồng)	Phí Bt 2% (đồng)	Giá bán gồm thuế, phí Bảo Trì 2% (đồng)
302	1,611	Block A	16	Góc	64.50	1.0105	1.000	14,997,143	977,473,000	1,026,347,000	19,549,000	1,045,896,000
303	1,612	Block A	16	Thường	47.20	1.0105	1.000	14,997,143	715,298,000	751,063,000	14,306,000	765,369,000
304	1,613	Block A	16	Thường	46.90	1.0105	1.000	14,997,143	710,751,000	746,289,000	14,215,000	760,504,000
305	1,614	Block A	16	Thường	56.30	1.0105	1.000	14,997,143	853,205,000	895,865,000	17,064,000	912,929,000
306	1,615	Block A	16	Thường	56.60	1.0105	1.000	14,997,143	857,751,000	900,639,000	17,155,000	917,794,000
307	1,616	Block A	16	Thường	56.30	1.0105	1.000	14,997,143	853,205,000	895,865,000	17,064,000	912,929,000
308	1,617	Block A	16	Thường	47.00	1.0105	1.000	14,997,143	712,267,000	747,880,000	14,245,000	762,125,000
309	1,618	Block A	16	Thường	47.40	1.0105	1.000	14,997,143	718,329,000	754,245,000	14,367,000	768,612,000
310	1,619	Block A	16	Thường	47.00	1.0105	1.000	14,997,143	712,267,000	747,880,000	14,245,000	762,125,000
311	1,620	Block A	16	Góc	64.40	1.0105	1.000	14,997,143	975,957,000	1,024,755,000	19,519,000	1,044,274,000
312	1,701	Block A	17	Góc	64.20	1.0120	1.000	14,997,143	974,370,000	1,023,089,000	19,487,000	1,042,576,000
313	1,702	Block A	17	Thường	61.50	1.0120	1.000	14,997,143	933,392,000	980,062,000	18,668,000	998,730,000
314	1,703	Block A	17	Thường	46.80	1.0120	1.000	14,997,143	710,289,000	745,803,000	14,206,000	760,009,000
315	1,704	Block A	17	Thường	56.30	1.0120	1.000	14,997,143	854,471,000	897,195,000	17,089,000	914,284,000
316	1,705	Block A	17	Thường	56.60	1.0120	1.000	14,997,143	859,024,000	901,975,000	17,180,000	919,155,000
317	1,706	Block A	17	Thường	56.00	1.0120	1.000	14,997,143	849,918,000	892,414,000	16,998,000	909,412,000
318	1,707	Block A	17	Góc	63.80	1.0120	1.000	14,997,143	968,300,000	1,016,715,000	19,366,000	1,036,081,000
319	1,708	Block A	17	Góc	64.50	1.0120	1.000	14,997,143	978,924,000	1,027,870,000	19,578,000	1,047,448,000
320	1,709	Block A	17	Thường	56.30	1.0120	1.000	14,997,143	854,471,000	897,195,000	17,089,000	914,284,000
321	1,710	Block A	17	Thường	56.60	1.0120	1.000	14,997,143	859,024,000	901,975,000	17,180,000	919,155,000
322	1,711	Block A	17	Góc	64.50	1.0120	1.000	14,997,143	978,924,000	1,027,870,000	19,578,000	1,047,448,000
323	1,712	Block A	17	Thường	47.20	1.0120	1.000	14,997,143	716,360,000	752,178,000	14,327,000	766,505,000
324	1,713	Block A	17	Thường	46.90	1.0120	1.000	14,997,143	711,806,000	747,396,000	14,236,000	761,632,000
325	1,714	Block A	17	Thường	56.30	1.0120	1.000	14,997,143	854,471,000	897,195,000	17,089,000	914,284,000
326	1,715	Block A	17	Thường	56.60	1.0120	1.000	14,997,143	859,024,000	901,975,000	17,180,000	919,155,000
327	1,716	Block A	17	Thường	56.30	1.0120	1.000	14,997,143	854,471,000	897,195,000	17,089,000	914,284,000
328	1,717	Block A	17	Thường	47.00	1.0120	1.000	14,997,143	713,324,000	748,990,000	14,266,000	763,256,000
329	1,718	Block A	17	Thường	47.40	1.0120	1.000	14,997,143	719,395,000	755,365,000	14,388,000	769,753,000
330	1,719	Block A	17	Thường	47.00	1.0120	1.000	14,997,143	713,324,000	748,990,000	14,266,000	763,256,000
331	1,720	Block A	17	Góc	64.40	1.0120	1.000	14,997,143	977,406,000	1,026,276,000	19,548,000	1,045,824,000
332	1,801	Block A	18	Góc	64.20	1.0135	1.000	14,997,143	975,815,000	1,024,606,000	19,516,000	1,044,122,000
333	1,802	Block A	18	Thường	61.50	1.0135	1.000	14,997,143	934,776,000	981,515,000	18,696,000	1,000,211,000
334	1,803	Block A	18	Thường	46.80	1.0135	1.000	14,997,143	711,341,000	746,908,000	14,227,000	761,135,000
335	1,804	Block A	18	Thường	56.30	1.0135	1.000	14,997,143	855,738,000	898,525,000	17,115,000	915,640,000
336	1,805	Block A	18	Thường	56.60	1.0135	1.000	14,997,143	860,298,000	903,313,000	17,206,000	920,519,000
337	1,806	Block A	18	Thường	56.00	1.0135	1.000	14,997,143	851,178,000	893,737,000	17,024,000	910,761,000
338	1,807	Block A	18	Góc	63.80	1.0135	1.000	14,997,143	969,735,000	1,018,222,000	19,395,000	1,037,617,000
339	1,808	Block A	18	Góc	64.50	1.0135	1.000	14,997,143	980,374,000	1,029,393,000	19,607,000	1,049,000,000

STT	CĂN HỘ	TOÀ	tầng	Vị trí	DIỆN TÍCH (m2)	Hệ số tầng	Hệ số góc	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Giá bán chưa thuế (đồng)	Giá bán gồm thuế (đồng)	Phí Bt 2% (đồng)	Giá bán gồm thuế, phí Bảo Trì 2% (đồng)
340	1,809	Block A	18	Thường	56.30	1.0135	1.000	14,997,143	855,738,000	898,525,000	17,115,000	915,640,000
341	1,810	Block A	18	Thường	56.60	1.0135	1.000	14,997,143	860,298,000	903,313,000	17,206,000	920,519,000
342	1,811	Block A	18	Góc	64.50	1.0135	1.000	14,997,143	980,374,000	1,029,393,000	19,607,000	1,049,000,000
343	1,812	Block A	18	Thường	47.20	1.0135	1.000	14,997,143	717,421,000	753,292,000	14,348,000	767,640,000
344	1,813	Block A	18	Thường	46.90	1.0135	1.000	14,997,143	712,861,000	748,504,000	14,257,000	762,761,000
345	1,814	Block A	18	Thường	56.30	1.0135	1.000	14,997,143	855,738,000	898,525,000	17,115,000	915,640,000
346	1,815	Block A	18	Thường	56.60	1.0135	1.000	14,997,143	860,298,000	903,313,000	17,206,000	920,519,000
347	1,816	Block A	18	Thường	56.30	1.0135	1.000	14,997,143	855,738,000	898,525,000	17,115,000	915,640,000
348	1,817	Block A	18	Thường	47.00	1.0135	1.000	14,997,143	714,381,000	750,100,000	14,288,000	764,388,000
349	1,818	Block A	18	Thường	47.40	1.0135	1.000	14,997,143	720,461,000	756,484,000	14,409,000	770,893,000
350	1,819	Block A	18	Thường	47.00	1.0135	1.000	14,997,143	714,381,000	750,100,000	14,288,000	764,388,000
351	1,820	Block A	18	Góc	64.40	1.0135	1.000	14,997,143	978,855,000	1,027,798,000	19,577,000	1,047,375,000
352	1,901	Block A	19	Góc	64.20	1.0150	1.000	14,997,143	977,259,000	1,026,122,000	19,545,000	1,045,667,000
353	1,902	Block A	19	Thường	61.50	1.0150	1.000	14,997,143	936,159,000	982,967,000	18,723,000	1,001,690,000
354	1,903	Block A	19	Thường	46.80	1.0150	1.000	14,997,143	712,394,000	748,014,000	14,248,000	762,262,000
355	1,904	Block A	19	Thường	56.30	1.0150	1.000	14,997,143	857,004,000	899,854,000	17,140,000	916,994,000
356	1,905	Block A	19	Thường	56.60	1.0150	1.000	14,997,143	861,571,000	904,650,000	17,231,000	921,881,000
357	1,906	Block A	19	Thường	56.00	1.0150	1.000	14,997,143	852,438,000	895,060,000	17,049,000	912,109,000
358	1,907	Block A	19	Góc	63.80	1.0150	1.000	14,997,143	971,170,000	1,019,729,000	19,423,000	1,039,152,000
359	1,908	Block A	19	Góc	64.50	1.0150	1.000	14,997,143	981,825,000	1,030,916,000	19,637,000	1,050,553,000
360	1,909	Block A	19	Thường	56.30	1.0150	1.000	14,997,143	857,004,000	899,854,000	17,140,000	916,994,000
361	1,910	Block A	19	Thường	56.60	1.0150	1.000	14,997,143	861,571,000	904,650,000	17,231,000	921,881,000
362	1,911	Block A	19	Góc	64.50	1.0150	1.000	14,997,143	981,825,000	1,030,916,000	19,637,000	1,050,553,000
363	1,912	Block A	19	Thường	47.20	1.0150	1.000	14,997,143	718,483,000	754,407,000	14,370,000	768,777,000
364	1,913	Block A	19	Thường	46.90	1.0150	1.000	14,997,143	713,916,000	749,612,000	14,278,000	763,890,000
365	1,914	Block A	19	Thường	56.30	1.0150	1.000	14,997,143	857,004,000	899,854,000	17,140,000	916,994,000
366	1,915	Block A	19	Thường	56.60	1.0150	1.000	14,997,143	861,571,000	904,650,000	17,231,000	921,881,000
367	1,916	Block A	19	Thường	56.30	1.0150	1.000	14,997,143	857,004,000	899,854,000	17,140,000	916,994,000
368	1,917	Block A	19	Thường	47.00	1.0150	1.000	14,997,143	715,439,000	751,211,000	14,309,000	765,520,000
369	1,918	Block A	19	Thường	47.40	1.0150	1.000	14,997,143	721,528,000	757,604,000	14,431,000	772,035,000
370	1,919	Block A	19	Thường	47.00	1.0150	1.000	14,997,143	715,439,000	751,211,000	14,309,000	765,520,000
371	1,920	Block A	19	Góc	64.40	1.0150	1.000	14,997,143	980,303,000	1,029,318,000	19,606,000	1,048,924,000
372	2,001	Block A	20	Góc	64.20	0.9525	1.000	14,997,143	917,083,000	962,937,000	18,342,000	981,279,000
373	2,002	Block A	20	Thường	61.50	0.9525	1.000	14,997,143	878,514,000	922,440,000	17,570,000	940,010,000
374	2,003	Block A	20	Thường	46.80	0.9525	1.000	14,997,143	668,528,000	701,954,000	13,371,000	715,325,000
375	2,004	Block A	20	Thường	56.30	0.9525	1.000	14,997,143	804,233,000	844,445,000	16,085,000	860,530,000
376	2,005	Block A	20	Thường	56.60	0.9525	1.000	14,997,143	808,518,000	848,944,000	16,170,000	865,114,000
377	2,006	Block A	20	Thường	56.00	0.9525	1.000	14,997,143	799,948,000	839,945,000	15,999,000	855,944,000

STT	CĂN HỘ	TOÀ	tầng	Vị trí	DIỆN TÍCH (m2)	Hệ số tầng	Hệ số góc	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Giá bán chưa thuế (đồng)	Giá bán gồm thuế (đồng)	Phí Bt 2% (đồng)	Giá bán gồm thuế, phí Bảo Trì 2% (đồng)
378	2,007	Block A	20	Góc	63.80	0.9525	1.000	14,997,143	911,369,000	956,937,000	18,227,000	975,164,000
379	2,008	Block A	20	Góc	64.50	0.9525	1.000	14,997,143	921,368,000	967,436,000	18,427,000	985,863,000
380	2,009	Block A	20	Thường	56.30	0.9525	1.000	14,997,143	804,233,000	844,445,000	16,085,000	860,530,000
381	2,010	Block A	20	Thường	56.60	0.9525	1.000	14,997,143	808,518,000	848,944,000	16,170,000	865,114,000
382	2,011	Block A	20	Góc	64.50	0.9525	1.000	14,997,143	921,368,000	967,436,000	18,427,000	985,863,000
383	2,012	Block A	20	Thường	47.20	0.9525	1.000	14,997,143	674,242,000	707,954,000	13,485,000	721,439,000
384	2,013	Block A	20	Thường	46.90	0.9525	1.000	14,997,143	669,956,000	703,454,000	13,399,000	716,853,000
385	2,014	Block A	20	Thường	56.30	0.9525	1.000	14,997,143	804,233,000	844,445,000	16,085,000	860,530,000
386	2,015	Block A	20	Thường	56.60	0.9525	1.000	14,997,143	808,518,000	848,944,000	16,170,000	865,114,000
387	2,016	Block A	20	Thường	56.30	0.9525	1.000	14,997,143	804,233,000	844,445,000	16,085,000	860,530,000
388	2,017	Block A	20	Thường	47.00	0.9525	1.000	14,997,143	671,385,000	704,954,000	13,428,000	718,382,000
389	2,018	Block A	20	Thường	47.40	0.9525	1.000	14,997,143	677,099,000	710,954,000	13,542,000	724,496,000
390	2,019	Block A	20	Thường	47.00	0.9525	1.000	14,997,143	671,385,000	704,954,000	13,428,000	718,382,000
391	2,020	Block A	20	Góc	64.40	0.9525	1.000	14,997,143	919,940,000	965,937,000	18,399,000	984,336,000
Tổng 391 Căn hộ												



